

Kiểm định chất lượng giáo dục trường trung học phổ thông giai đoạn 2025 - 2030

Nguyễn Quang Tuấn

Email: nguyenguangtuan@moet.gov.vn
Cục Quản lý chất lượng - Bộ Giáo dục và Đào tạo
35 Đại Cồ Việt, Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam

TÓM TẮT: Kiểm định chất lượng giáo dục là một trong những nhiệm vụ và giải pháp quản lý quan trọng để nâng cao chất lượng giáo dục. Trong những năm gần đây, công tác này tiếp tục được đổi mới, các giải pháp phát huy hiệu quả, góp phần duy trì bảo đảm và nâng cao chất lượng giáo dục của các nhà trường. Việc xây dựng hệ thống bảo đảm chất lượng giáo dục, thực hiện các hoạt động bảo đảm chất lượng giáo dục là một giải pháp tất yếu để nâng cao chất lượng giáo dục trường trung học phổ thông. Việt Nam đã lựa chọn kiểm định chất lượng giáo dục như một công cụ quản lý đặc biệt để bảo đảm chất lượng giáo dục. Việt Nam đã học tập kinh nghiệm của các nước phát triển trên thế giới để xây dựng chính sách kiểm định chất lượng giáo dục và phát triển hệ thống kiểm định chất lượng giáo dục. Bài viết thảo luận về kiểm định chất lượng và thực trạng việc Kiểm định chất lượng giáo dục trường trung học phổ thông, từ đó đề xuất kế hoạch kiểm định chất lượng giáo dục phổ thông giai đoạn 2025 - 2030.

TỪ KHÓA: Bảo đảm chất lượng, quản lý giáo dục, đánh giá chất lượng, giáo dục phổ thông, kiểm định chất lượng.

→ Nhận bài 28/9/2023 → Nhận bài đã chỉnh sửa 19/10/2023 → Duyệt đăng 15/11/2023.

DOI: <https://doi.org/10.15625/2615-8957/12311107>

1. Đặt vấn đề

Kiểm định chất lượng giáo dục được phát triển từ lâu ở Hoa Kỳ và Bắc Mỹ. Kiểm định chất lượng giáo dục ngày càng nhận được sự quan tâm của nhiều quốc gia và nhất là từ giữa những năm 1990 trở lại đây. Trong đó, Đông Âu (Albania, Bulgaria, Hungary, và Romania) là khu vực sớm triển khai kiểm định chất lượng giáo dục, tiếp đến là các quốc gia có nền giáo dục phát triển như Hà Lan, Bỉ, Đức, Australia và các quốc gia ở Mỹ Latinh (Chile), vùng Vịnh (Oman, Kuwait, Qatar, Ả-rập Saudi) và các nước Châu Á (Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc, Ấn Độ) cũng không nằm ngoài xu thế này. Đặc biệt, các quốc gia ASEAN còn phát triển hệ thống kiểm định chất lượng giáo dục riêng dành cho các trường đại học (AUN-QA). Kiểm định chất lượng giáo dục phát triển nhanh và rộng khắp ở các khu vực khác nhau trên thế giới là cơ sở khiến các công trình nghiên cứu về kiểm định chất lượng giáo dục, quản lý kiểm định chất lượng giáo dục ngày càng tăng về số lượng lẫn chủ đề nghiên cứu. Nhiều vấn đề về bảo đảm chất lượng và kiểm định chất lượng giáo dục đã được công bố trong những công trình học thuật và các bài báo khoa học đăng trên các tạp chí chuyên ngành. Vào những thập niên cuối của thế kỷ XX, xu hướng quốc tế hóa giáo dục đặt ra nhiều thách thức đối với kiểm định chất lượng giáo dục, nhất là ở các cơ sở giáo dục đại học. Sang đầu thế kỷ XXI, trong xu hướng toàn cầu hóa về chất lượng giáo dục cùng với sự mở rộng các dịch vụ

giáo dục và sự di chuyển xuyên quốc gia của người học, kiểm định chất lượng giáo dục không chỉ được đề cập bởi cấu trúc nội tại của chất lượng mà chính là cách tiếp cận nó và sự xuất hiện ngày càng nhiều mô hình quản lý và bảo đảm chất lượng chi phối cách tiếp cận kiểm định chất lượng giáo dục ở mỗi quốc gia.

Ở Việt Nam, mô hình kiểm định chất lượng giáo dục cơ sở giáo dục trường trung học phổ thông hiện tại là một quy trình gồm các bước (tự đánh giá; đánh giá ngoài cơ sở giáo dục; công nhận cơ sở giáo dục đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục và cấp giấy chứng nhận chất lượng giáo dục). Trong quy trình này thì tự đánh giá là trách nhiệm của cơ sở giáo dục; đánh giá ngoài và công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục là thẩm quyền của Sở Giáo dục và Đào tạo. Hoạt động đánh giá ngoài hiện tại do Sở Giáo dục và Đào tạo tiến hành.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Một số khái niệm

- **Chất lượng:** Có nhiều định nghĩa khác nhau về “Chất lượng”. Theo Từ điển Tiếng Việt, thuật ngữ “Chất lượng” được hiểu là: “Cái làm nên phẩm chất, giá trị của sự vật”. Tiêu chuẩn ISO 9000:2000 định nghĩa chất lượng như sau: Chất lượng là mức độ đáp ứng các yêu cầu của một tập hợp các đặc tính vốn có. Với người sử dụng sản phẩm, chất lượng là tiềm năng của một sản phẩm hay dịch vụ nhằm thoả mãn nhu cầu sử dụng. Do đó, chất lượng là sự thoả mãn nhu cầu của khách hàng, chất lượng

là thực hiện được mục tiêu và thỏa mãn nhu cầu.

Chất lượng giáo dục: Là sự đáp ứng mục tiêu của cơ sở giáo dục hoặc chương trình giáo dục, đáp ứng các yêu cầu của Luật Giáo dục, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục, Luật Giáo dục Đại học, phù hợp với nhu cầu sử dụng nhân lực cho sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và cả nước. Chất lượng giáo dục là mức độ đạt được mục tiêu giáo dục phù hợp với nhu cầu sử dụng của xã hội, gắn liền với nhu cầu xã hội ở các nội dung đầu vào, quá trình và đầu ra.

Kiểm định chất lượng giáo dục: Thuật ngữ Kiểm định chất lượng giáo dục (Accreditation) bắt đầu được áp dụng ở Hoa Kỳ cách đây hơn 100 năm. Theo Luật Giáo dục và sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục 2009, kiểm định chất lượng giáo dục được định nghĩa như sau: Kiểm định chất lượng giáo dục là biện pháp chủ yếu nhằm xác định mức độ thực hiện mục tiêu, chương trình, nội dung giáo dục đối với nhà trường và cơ sở giáo dục khác.

Việc kiểm định chất lượng giáo dục phải bảo đảm các nguyên tắc sau đây: Độc lập khách quan, đúng pháp luật; Trung thực, công khai, minh bạch.

Kiểm định chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục là hoạt động đánh giá (gồm tự đánh giá và đánh giá ngoài) để xác định mức độ cơ sở giáo dục đáp ứng các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục và việc công nhận cơ sở giáo dục đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục của cơ quan quản lý Nhà nước.

Theo quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và quy định đạt chuẩn quốc gia của Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), mục đích kiểm định chất lượng giáo dục nhằm xác định trường được kiểm định đạt mức đáp ứng mục tiêu giáo dục trong từng giai đoạn; Lập kế hoạch cải tiến chất lượng, duy trì và nâng cao chất lượng nhà trường.

2.2. Kiểm định chất lượng giáo dục trường phổ thông

Ở Việt Nam, khái niệm về kiểm định chất lượng giáo dục ngày càng được giải thích rõ hơn và được nêu trong các văn bản quy phạm pháp luật. Ban đầu, kiểm định chất lượng giáo dục được giải thích là: *“Biện pháp chủ yếu nhằm xác định mức độ thực hiện mục tiêu, chương trình, nội dung giáo dục đối với nhà trường và cơ sở giáo dục khác”*. Đến nay, kiểm định chất lượng giáo dục, cụ thể là kiểm định chất lượng giáo dục phổ thông được phát triển và giải thích như sau: *“Kiểm định chất lượng giáo dục cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên là hoạt động đánh giá (bao gồm tự đánh giá và đánh giá ngoài) để xác định mức độ cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên đáp ứng các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục và việc công nhận cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục của cơ quan quản lý Nhà nước”* [1]. Cách giải thích này đã chỉ rõ hơn về nội

hàm của kiểm định chất lượng giáo dục cơ sở giáo dục phổ thông. Đó là tự đánh giá, đánh giá ngoài nhà trường trên cơ sở các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng, từ đó có căn cứ để công nhận cơ sở giáo dục phổ thông đó đạt hay không đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục.

Mục tiêu kiểm định chất lượng giáo dục: Bảo đảm và nâng cao chất lượng giáo dục; xác nhận mức độ đáp ứng mục tiêu của cơ sở giáo dục hoặc chương trình đào tạo trong từng giai đoạn; là căn cứ để cơ sở giáo dục giải trình với chủ sở hữu, cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, các bên liên quan và xã hội về thực trạng chất lượng giáo dục; làm cơ sở cho người học lựa chọn cơ sở giáo dục, chương trình đào tạo, cho nhà tuyển dụng lao động tuyển chọn nhân lực. Một hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục được coi là có hiệu quả khi không chỉ đánh giá có đạt chất lượng hay không mà còn phải là những chuyên gia tư vấn, sẵn sàng cùng giải quyết các vấn đề tồn đọng và nâng cao chất lượng các hoạt động.

Nội dung kiểm định chất lượng giáo dục trường phổ thông: Tổ chức và quản lý nhà trường; Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh; Cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học; Quan hệ giữa nhà trường - gia đình và xã hội; Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục; Nguồn lực tài chính.

Trường trung học phổ thông là đối tượng kiểm định chất lượng giáo dục. Kiểm định chất lượng gồm 02 quá trình: Tự đánh giá và Đánh giá ngoài. Chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục và thời hạn công nhận là 5 năm.

Hoạt động đánh giá ngoài được thực hiện bởi một đoàn do sở giáo dục và đào tạo thành lập, bao gồm các chuyên gia, nhà quản lý, công chức có kinh nghiệm trong đào tạo, nghiên cứu và quản lý giáo dục, hiểu rõ kiểm định chất lượng giáo dục cũng như thực tế trường trung học phổ thông, có giấy chứng nhận được thực hiện đánh giá ngoài, được kì vọng sẽ khách quan trong việc công nhận chất lượng của nhà trường. Vì vậy, kết quả kiểm định cung cấp cho các bên liên quan những thông tin kịp thời, chính xác để xác nhận chất lượng đào tạo của trường trung học phổ thông, từ đó có cơ sở lựa chọn được các dịch vụ phù hợp.

Công trình *“Phát triển nhà trường trung học phổ thông theo quan điểm nhà trường hiệu quả”* của Nguyễn Mạnh Cường (2009) đã hệ thống hóa, phân tích và đánh giá các nghiên cứu về nhà trường hiệu quả (trong nước và thế giới); xây dựng cơ sở lý luận về phát triển nhà trường trung học phổ thông hiệu quả đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội; trên cơ sở đó đưa ra những đánh giá khách quan, xác thực về công tác tổ chức, quản lý ở một số trường trung học phổ thông có tiếng tại Việt Nam (trường xuất sắc, trường đạt chuẩn quốc gia, trường trọng điểm...); đề xuất quan điểm, nguyên tắc, bộ tiêu chí đánh giá (gồm 6 tiêu chuẩn với 32 tiêu chí) và các giải pháp phát triển

nhà trường trung học phổ thông ở Việt Nam theo quan điểm nhà trường hiệu quả [2].

Luận án “*Quản lý kiểm định chất lượng giáo dục trường trung học phổ thông tại Thành phố Hồ Chí Minh*” của Đặng Thị Thùy Linh (2014) đã hệ thống các khái niệm, cơ sở lý luận về quản lý, chất lượng, kiểm định, quản lý chất lượng, quản lý kiểm định chất lượng giáo dục... và mô hình quản lý kiểm định chất lượng giáo dục ở một số quốc gia phát triển như Canada, Mĩ, Singapore và khu vực ASEAN; phân tích thực trạng công tác kiểm định chất lượng giáo dục các trường trung học phổ thông trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2010 - 2014 và rút ra những ưu điểm, nhược điểm; đề xuất các giải pháp nâng cao quản lý kiểm định chất lượng giáo dục các trường trung học phổ thông trên địa bàn thành phố [3].

2.3. Kết quả công tác kiểm định chất lượng giáo dục trường trung học phổ thông giai đoạn 2021 - 2025

Nguyên tắc về kiểm định chất lượng giáo dục được quy định rõ trong các văn bản Luật là đảm bảo “Độc lập, khách quan, đúng pháp luật” và “Trung thực, công khai, minh bạch”. Nếu đến Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục (ban hành năm 2009) hoạt động kiểm định chất lượng chỉ dừng ở việc khuyến khích cơ sở giáo dục tham gia thực hiện thì Luật Giáo dục 2019 đã yêu cầu đây là hoạt động “bắt buộc”, “định kì” và thực hiện bình đẳng.

Với sự thay đổi trong quan điểm chỉ đạo đó, những năm qua, đặc biệt giai đoạn 5 năm, từ năm 2021 đến năm 2025, công tác kiểm định chất lượng đã được các nhà trường, địa phương triển khai tích cực, hiệu quả. Hoạt động này tạo diện mạo mới, vị thế mới, tạo chuyển biến tích cực và rõ nét trong công tác giáo dục của các nhà trường, mang lại lợi ích thiết thực cho học sinh. Trong các nhà trường được công nhận trường đạt chuẩn quốc gia và đạt kiểm định chất lượng giáo dục, văn hóa chất lượng từng bước được hình thành. Các cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh và xã hội ngày càng có ý thức trách nhiệm chung tay xây dựng nhà trường tốt đẹp hơn.

Hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục dựa trên các

chỉ báo, các chuẩn mực để đánh giá. Do đó, các thông tin này sẽ giúp mỗi thành viên của nhà trường hiểu rõ hơn công việc của mình và của những người liên quan. Qua đó, họ biết chủ động không ngừng nâng cao chất lượng công việc của mình, góp phần cùng những người liên quan hành động theo chất lượng. Khi đó, văn hóa chất lượng sẽ dần hình thành trong các trường trung học phổ thông. Trong những năm gần đây, kiểm định chất lượng giáo dục tiếp tục được đổi mới. Các giải pháp phát huy hiệu quả góp phần duy trì bảo đảm và nâng cao chất lượng giáo dục các nhà trường. Các cấp quản lý giáo dục, các nhà trường được tiếp cận với mô hình quản lý hiện đại, tiên tiến. Qua tự đánh giá, nhiều nhà trường đã thấy được hiện trạng chất lượng, điểm mạnh, điểm yếu và đã xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng sát thực và hiệu quả hơn. Kiểm định chất lượng giáo dục từng bước làm thay đổi cách nhìn nhận về công tác quản lý và chỉ đạo, tăng cường năng lực quản lý nhà trường và quản lý dạy, học.

Bên cạnh việc tập trung lấy ý kiến sửa đổi quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận trường đạt chuẩn quốc gia đối với cơ sở giáo dục phổ thông nhằm đáp ứng quy định của Luật Giáo dục năm 2019 và phù hợp với thực tiễn, để nâng cao năng lực đội ngũ triển khai các hoạt động chuyên trách, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã chỉ đạo Cục Quản lý chất lượng phối hợp với Chương trình phát triển giáo dục trung học giai đoạn 2 tổ chức triển khai hoạt động tập huấn đánh giá ngoài cho nhân sự làm công tác kiểm định chất lượng giáo dục.

Tổng hợp kết quả thực hiện tự đánh giá, đánh giá ngoài và công nhận kiểm định chất lượng giáo dục (tính đến ngày 31 tháng 5 năm 2023) trên cả nước có tổng số 41.526 cơ sở giáo dục từ mầm non đến phổ thông có nhiều cấp học và các cơ sở giáo dục thường xuyên. Trong đó, có 40.684 cơ sở hoàn thành tự đánh giá (đạt 98%), 24.899 cơ sở hoàn thành đánh giá ngoài (đạt 60%) (xem Bảng 1).

Từ công tác chỉ đạo, điều hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo, các Sở Giáo dục và Đào tạo đã thực hiện tốt nhiều nhiệm vụ quản lý chất lượng; Chú trọng công tác truyền thông, thực hiện các hoạt động bồi dưỡng, tập

Bảng 1: Bảng tổng hợp kết quả thực hiện kiểm định chất lượng trường trung học phổ thông (Số liệu tính đến ngày 31 tháng 5 năm 2023)

TT	Số Giáo dục và Đào tạo	Tổng số trường	Hoàn thành tự đánh giá		Đã đánh giá ngoài		Kết quả đánh giá ngoài					
			Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)	Không đạt	Đạt cấp độ 1	Đạt cấp độ 2	Đạt cấp độ 3	Đạt cấp độ 4	Đang hoàn thiện HS
1	An Giang	43	41	95,3	22	51,2	0	4	18	0	0	0
2	Bà Rịa- Vũng Tàu	30	30	100	25	83,3	0	0	11	9	0	5
3	Bắc Giang	48	48	100	35	72,91	0	0	34	1	0	0

TT	Sở Giáo dục và Đào tạo	Tổng số trường	Hoàn thành tự đánh giá		Đã đánh giá ngoài		Kết quả đánh giá ngoài					
			Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)	Không đạt	Đạt cấp độ 1	Đạt cấp độ 2	Đạt cấp độ 3	Đạt cấp độ 4	Đang hoàn thiện HS
4	Bắc Kạn	10	10	100	0	0,0	0	0	0	0	0	0
5	Bạc Liêu	14	14	100	10	71,4	0	0	9	1	0	0
6	Bắc Ninh	36	36	100	21	58,3	0	0	0	21	0	0
7	Bến Tre	35	35	100	24	68,6	0	12	11	1	0	0
8	Bình Định	51	51	100	24	47,1	0	0	21	3	0	0
9	Bình Dương	27	26	96,3	10	37,0	0	0	7	1	0	2
10	Bình Phước	27	27	100	15	55,6	0	0	14	1	0	0
11	Bình Thuận	26	26	100	25	96,2	0	24	1	0	0	0
12	Cà Mau	23	22	95,7	3	13,0	0	0	3	0	0	0
13	Cần Thơ	23	23	100	8	34,78	1	1	6	0	0	0
14	Cao Bằng	24	24	100	2	8,3	0	0	2	0	0	0
15	Đà Nẵng	23	23	100	11	47,8	0	7	3	1	0	0
16	Đắk Lắk	55	55	100	23	41,8	0	2	13	8	0	0
17	Đắk Nông	24	24	100	13	54,2	0	0	10	3	0	0
18	Điện Biên	29	29	100	22	75,9	0	0	12	10	0	0
19	Đồng Nai	47	47	100	12	25,5	0	0	5	5	0	2
20	Đồng Tháp	36	36	100	11	30,6	0	0	9	2	0	0
21	Gia Lai	46	46	100	21	45,7	0	0	21	0	0	0
22	Hà Giang	22	22	100	10	45,5	0	0	8	2	0	0
23	Hà Nam	23	23	100	18	78,3	0	0	6	12	0	0
24	Hà Nội	237	221	93,2	64	27,0	2	10	43	9	0	0
25	Hà Tĩnh	45	45	100	17	37,8	0	1	15	1	0	0
26	Hải Dương	55	55	100	34	61,8	0	0	21	13	0	0
27	Hải Phòng	58	43	74,1	21	36,2	0	1	17	3	0	0
28	Hậu Giang	20	20	100	9	45,0	0	3	6	0	0	0
29	Hòa Bình	36	36	100	8	22,2	0	1	7	0	0	0
30	Hưng Yên	35	33	94,3	24	68,6	0	0	21	3	0	0
31	Khánh Hoà	31	31	100	5	16,1	0	0	5	0	0	0
32	Kiên Giang	22	22	100	12	54,5	0	4	7	1	0	0
33	Kon Tum	16	16	100	4	25,0	0	0	3	1	0	0
34	Lai Châu	23	23	100	10	43,5	0	0	10	0	0	0
35	Lâm Đồng	46	46	100	26	56,5	0	0	21	5	0	0
36	Lạng Sơn	26	26	100	11	42,3	0	0	11	0	0	0
37	Lào Cai	28	28	100	11	39,3	0	0	9	2	0	0
38	Long An	30	30	100	17	56,7	0	3	13	0	0	1
39	Nam Định	45	45	100	25	55,6	0	0	1	20	0	4
40	Nghệ An	88	88	100	56	63,6	0	1	29	21	0	5
41	Ninh Bình	27	27	100	14	51,9	0	0	8	6	0	0
42	Ninh Thuận	15	14	93,3	6	40,0	0	0	6	0	0	0
43	Phú Thọ	46	46	100	36	78,3	0	0	35	1	0	0
44	Phú Yên	25	25	100	10	40,0	0	0	10	0	0	0

TT	Sở Giáo dục và Đào tạo	Tổng số trường	Hoàn thành tự đánh giá		Đã đánh giá ngoài		Kết quả đánh giá ngoài					
			Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)	Không đạt	Đạt cấp độ 1	Đạt cấp độ 2	Đạt cấp độ 3	Đạt cấp độ 4	Đang hoàn thiện HS
45	Quảng Bình	32	32	100	9	28,1	0	1	6	2	0	0
46	Quảng Nam	54	54	100	5	9,3	0	0	5	0	0	0
47	Quảng Ngãi	36	36	100	26	72,2	0	2	23	1	0	0
48	Quảng Ninh	42	39	92,9	26	61,9	0	0	20	6	0	0
49	Quảng Trị	24	24	100	10	41,7	0	0	9	1	0	0
50	Sóc Trăng	27	27	100	24	88,9	0	5	18	1	0	0
51	Sơn La	30	30	100	20	66,7	0	0	18	2	0	0
52	Tây Ninh	25	25	100	23	92,0	0	14	2	7	0	0
53	Thái Bình	40	40	100	30	75,0	0	0	30	0	0	0
54	Thái Nguyên	33	30	90,9	15	45,5	0	0	14	1	0	0
55	Thanh Hoá	87	87	100	49	56,3	0	0	46	3	0	0
56	Thừa Thiên Huế	35	33	94,3	7	20,0	1	3	2	1	0	0
57	Tiền Giang	33	33	100	15	45,5	0	1	13	1	0	0
58	Thành phố Hồ Chí Minh	129	129	100	101	78,3	0	70	30	1	0	0
59	Trà Vinh	31	31	100	31	100,0	10	2	19	0	0	0
60	Tuyên Quang	27	19	70,4	6	22,2	0	0	4	1	0	1
61	Vĩnh Long	24	24	100	10	41,7	0	2	6	2	0	0
62	Vĩnh Phúc	30	30	100	10	33,3	0	0	6	4	0	0
63	Yên Bái	27	27	100	14	51,9	0	0	11	3	0	0
Tổng		2.442	2.388	97,8	1.216	49,8	14	174	804	204	0	20

huấn về chuyên môn nghiệp vụ, rà soát đội ngũ chuyên gia đánh giá ngoài để đáp ứng yêu cầu đánh giá ngoài theo kế hoạch.

Qua thực tiễn triển khai, các địa phương đều khẳng định, công tác kiểm định chất lượng có ý nghĩa và tác động lớn đến việc nâng cao chất lượng giáo dục. Việc có thêm nhiều cơ sở giáo dục được công nhận kiểm định chất lượng đồng nghĩa với việc có thêm nhiều trường nâng cao được các tiêu chuẩn về tổ chức và quản lý nhà trường; chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh; cơ sở vật chất và thiết bị dạy học; hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục... Người hưởng lợi cuối cùng từ quá trình phấn đấu đạt các mức của tiêu chuẩn kiểm định chất lượng, trường chuẩn quốc gia chính là học sinh.

Tuy nhiên, bên cạnh những mặt đạt được, công tác kiểm định chất lượng còn một số hạn chế như: một bộ phận cán bộ quản lý chưa nhận thức đầy đủ và quan tâm đúng mức về công tác kiểm định chất lượng giáo dục; còn một số địa phương triển khai chậm hoạt động này. Đội ngũ cán bộ làm công tác bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục của một số sở giáo dục và đào tạo còn thiếu và luôn có sự thay đổi nên ảnh hưởng hiệu

quả triển khai. Tại các địa phương, vấn đề kiểm định chất lượng trường trung học phổ thông đã được thực hiện nhưng hiện nay vẫn còn một số hạn chế như việc vận dụng các chủ trương, chính sách của Đảng và thực thi các quy định pháp luật liên quan đến chính sách của Nhà nước về kiểm định chất lượng giáo dục phổ thông hiện nay vẫn chưa phát huy được hết các ưu điểm của kiểm định chất lượng giáo dục trong quản lý giáo dục để bảo đảm và nâng cao chất lượng giáo dục. Tính “*công khai, minh bạch*” trong kiểm định chất lượng giáo dục đã được quy định rõ nhưng người học và xã hội chưa có nhiều thông tin về chất lượng của các cơ sở giáo dục, vấn đề truyền thông về kiểm định chất lượng giáo dục chưa được sâu rộng. Hơn nữa, chưa hình thành tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục phổ thông, đội ngũ cán bộ chuyên trách còn thiếu, chưa đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của công tác bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục.

2.4. Bài học kinh nghiệm

Công tác kiểm định chất lượng giáo dục trường trung học phổ thông chưa được triển khai đồng đều giữa các địa phương. Một số địa phương, lãnh đạo chưa ưu tiên

quan tâm đến hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục, đặc biệt là đội ngũ cán bộ quản lý các nhà trường; chưa có chế tài đủ mạnh để xử lý những nhà trường làm không tốt; công tác truyền thông, công tác giám sát, kiểm tra còn hạn chế.

Tình trạng thừa, thiếu cục bộ giáo viên phổ thông ở nhiều địa phương vẫn chưa được giải quyết dứt điểm, gây khó khăn cho việc triển khai thực hiện chương trình và kế hoạch dạy học. Chất lượng đội ngũ không đồng đều, còn khoảng cách lớn giữa các vùng có điều kiện kinh tế khó khăn và các vùng thuận lợi. Điều kiện đảm bảo về cơ sở vật chất tại một số cơ sở giáo dục địa phương còn chưa đáp ứng thực hiện Chương trình Giáo dục phổ thông 2018.

Việc quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục phổ thông ở một số địa phương chưa phù hợp, còn tình trạng thiếu trường, lớp ở một số khu đô thị, khu công nghiệp, khu chế xuất; thiếu quỹ đất cho xây dựng trường học, đặc biệt là ở các thành phố lớn.

Chất lượng đào tạo nguồn nhân lực còn hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội; cơ cấu ngành nghề đào tạo chưa bám sát vào nhu cầu của thị trường lao động, nhất là lao động trong các ngành kinh tế mới. Hệ thống giáo dục và đào tạo còn thiếu sự liên thông giữa các trình độ và giữa các phương thức giáo dục vào đào tạo.

Hạn chế của mô hình kiểm định chất lượng giáo dục hiện tại là số lượng các trường đăng ký đánh giá ngoài lớn, thành viên đoàn đánh giá ngoài làm việc kiêm nhiệm. Chưa có chính sách khuyến khích thoả đáng để thúc đẩy công tác kiểm định chất lượng giáo dục. Công tác chỉ đạo và thực hiện kiểm định chất lượng giáo dục tại một số nơi còn mang tính hình thức, máy móc. Điều này làm cho hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục trở nên phức tạp, khó khăn, tốn kém. Bên cạnh đó, bệnh thành tích vẫn đang tác động không tốt đến công tác kiểm định chất lượng giáo dục. Có nhiều nguyên nhân dẫn đến những hạn chế nêu trên nhưng một trong những nguyên nhân cần được đặc biệt lưu ý là do mô hình kiểm định chất lượng giáo dục còn chưa hợp lý, đó là chưa có cơ quan đánh giá độc lập.

2.5. Đề xuất kế hoạch kiểm định chất lượng giáo dục trường trung học phổ thông giai đoạn 2025 - 2030

Đẩy mạnh công tác bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục ở tất cả các cấp học, sửa đổi, bổ sung các văn bản quy định về kiểm định chất lượng giáo dục phù hợp với quy định của Luật Giáo dục năm 2019, Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục Đại học và thực tiễn.

Từ thực trạng trên, để đáp ứng quy định của Luật

Giáo dục cần phải thành lập các trung tâm kiểm định chất lượng giáo dục trường trung học phổ thông để phối hợp với các sở giáo dục và đào tạo triển khai hoạt động đánh giá ngoài đối với cơ sở giáo dục góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước giai đoạn 2025 - 2030 và những năm tiếp theo.

Bộ Giáo dục và Đào tạo tiếp tục tham mưu cho cơ quan có thẩm quyền xây dựng các Luật, Nghị định và nhiều Thông tư theo hướng tiếp cận với khu vực và quốc tế tạo nên hệ thống văn bản quy phạm pháp luật khá đầy đủ để triển khai hoạt động bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục.

Tập trung tăng cường và nâng cao chất lượng đội ngũ kiểm định viên; tổ chức bài bản hơn việc đánh giá ngoài; biến hoạt động tự đánh giá thành nhu cầu tự thân của mỗi nhà trường để từng cá nhân trong trường học cũng nỗ lực phấn đấu nâng cao hiệu quả nghiệp vụ chuyên môn như đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, đổi mới phương pháp giảng dạy, chuẩn hóa cơ sở vật chất, năng lực giảng dạy ngoại ngữ, tin học để nâng cao chất lượng giáo dục, tạo ra nền tảng phát triển công dân số trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0.

3. Kết luận

Công tác kiểm định chất lượng giáo dục đã trở thành một chủ trương lớn, thể hiện tầm nhìn, tính chiến lược của ngành Giáo dục nhằm nâng cao chất lượng, phát triển giáo dục theo hướng chuẩn hóa. Kiểm định chất lượng giáo dục giúp các trường trung học phổ thông xem xét lại toàn bộ hoạt động của mình một cách có hệ thống để từ đó điều chỉnh các hoạt động theo một chuẩn mực nhất định. Kiểm định chất lượng giáo dục là lời tuyên bố chắc chắn tới các bên liên quan về hiện trạng chất lượng của nhà trường. Kiểm định chất lượng giáo dục được xem là lời cam kết về chất lượng đào tạo mà trường trung học phổ thông đem lại cho người học và các bên liên quan khác (như: xã hội và cơ quan quản lý cấp trên). Như vậy, kiểm định chất lượng giáo dục không những phản ánh cho các bên liên quan những bằng chứng xác thực về chất lượng giáo dục mà còn là cơ hội và động lực để nâng cao chất lượng cho các trường trung học phổ thông đã qua kiểm định. Chỉ có thể thực hiện kiểm định chất lượng giáo dục mới mang lại những giá trị đích thực, nâng cao thương hiệu và chất lượng giáo dục cho cơ sở giáo dục [4]. Việc áp dụng một số giải pháp nêu trên sẽ tiếp tục góp phần nâng cao chất lượng kiểm định chất lượng giáo dục giai đoạn 2025 - 2030 và những năm tiếp theo, tạo nền tảng cơ sở xây dựng văn hóa chất lượng cho trường trung học phổ thông.

Tài liệu tham khảo

- [1] Đỗ Thị Thúy Hằng, (2014), *Đảm bảo và Kiểm định chất lượng giáo dục*, NXB Khoa học và Kỹ thuật.
- [2] Nguyễn Mạnh Cường, (2009), *Phát triển nhà trường trung học phổ thông theo quan điểm nhà trường hiệu quả*.
- [3] Đặng Thị Thùy Linh, (2014), *Quản lý kiểm định chất lượng giáo dục trường trung học phổ thông tại Thành phố Hồ Chí Minh*, Luận án Tiến sĩ Quản lý giáo dục, Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.
- [4] Mai Văn Trung, (2018), *Kiểm định chất lượng giáo dục và yêu cầu đối với các cơ sở giáo dục*, Công thông tin điện tử của Đại học Vinh.
- [5] Bộ Giáo dục và Đào tạo, (2023), *Báo cáo Hội nghị tổng kết công tác quản lý chất lượng năm học khối các sở giáo dục và đào tạo*.
- [6] Nguyễn Minh Đường, (2012), *Quản lý chất lượng cơ sở giáo dục*, bài giảng cho lớp nghiên cứu sinh, Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
- [7] Bùi Minh Hiền và cộng sự, (2006), *Quản lý giáo dục*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.
- [8] Bùi Minh Hiền - Nguyễn Vũ Bích Hiền, (2015), *Quản lý và Lãnh đạo nhà trường*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.
- [9] Nguyễn Tiến Hùng, (2014), *Quản lý chất lượng trong giáo dục (Giáo trình sau đại học)*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
- [10] Hồ Xuân Hồng, (2018), *Quản lý chất lượng ở trường phổ thông dân tộc bán trú trung học phổ thông các tỉnh Tây Nguyên theo tiếp cận CIPO*, Luận án Tiến sĩ, Học viện Quản lý giáo dục, Hà Nội.
- [11] Trần Kiểm, (2014), *Những vấn đề cơ bản của khoa học quản lý giáo dục*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.
- [12] *Luật Giáo dục số 43/2019/QH14*.
- [13] Nguyễn Lộc, (2010), *Lí luận về quản lý*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.
- [14] Nguyễn An Ninh, (2006), *Xây dựng hệ thống tiêu chí đánh giá chất lượng giáo dục trường trung học phổ thông và triển khai đánh giá thí điểm tại một số tỉnh, thành phố*.
- [15] Phạm Văn Thuàn - Nguyễn Đặng An Long, (2021), *Cẩm nang kiểm định chất lượng giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông*.
- [16] Nguyễn Hữu Châu (Chủ biên), (2008), *Chất lượng giáo dục - Những vấn đề lý luận và thực tiễn*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
- [17] Trần Khánh Đức, (2004), *Quản lý và kiểm định chất lượng đào tạo nhân lực theo ISO và TQM*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

ACCREDITATION OF HIGH SCHOOLS FOR THE PERIOD 2025-2030

Nguyen Quang Tuan

Email: nguyenquangtuan@moet.gov.vn
 Vietnam Education Quality Management Agency -
 Ministry of Education and Training
 35 Dai Co Viet street, Hai Ba Trung district,
 Hanoi, Vietnam

ABSTRACT: *Accreditation is one of the crucial management tasks and solutions to improve education quality. In recent years, it has innovated and developed effective solutions contributing to maintaining and improving the educational quality of schools. Establishing an educational quality assurance system and implementing educational quality assurance activities is an inevitable solution to enhance the quality of high school education. Vietnam has chosen accreditation as a special management tool to ensure education quality and learned developed countries around the world to make accreditation policies and establish an accreditation system. This article discusses accreditation and its current status at high schools, thereby proposing a plan for general education accreditation for the period 2025-2030.*

KEYWORDS: *Quality assurance, educational management, quality assessment, general education, accreditation.*